

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-ST

Ngày: 25-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hải

2. Ông Hàn Nhật Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:**
Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73A/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1971 (có mặt);

Nơi cư trú: số 291 ấp S, xã C, huyện M, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* - Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

- Ông Hồ Thanh T1, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: số 43 ấp B1, xã B2, thành phố B3, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Bé T trình bày:

Ngày 12/02/2017 âm lịch, bà Nguyễn Thị C1 và ông Hồ Thanh T1 có vay của bà số tiền 366.658.000 đồng, mục đích là để phát triển kinh tế gia đình.

Trong năm 2017 âm lịch, bà C1 đã trả cho bà số tiền 101.000.000 đồng.

Trong năm 2018 âm lịch, bà C1 trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà C1 đã trả cho bà là 141.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 225.658.000 đồng.

Ngày 18/10/2018 âm lịch, bà và bà C1 làm giấy nhận nợ. Bà và bà C1 cùng ký tên vào giấy nhận nợ này, theo đó, bà C1 còn nợ bà số tiền 225.658.000 đồng.

Bà và bà C1 thỏa thuận từ ngày 18/10/2018, mỗi tháng bà C1 trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ còn lại. Sau đó, bà nhiều lần yêu cầu bà C1 trả nợ nhưng bà C1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà theo thỏa thuận. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C1 và chồng bà C1 là ông Hồ Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 225.658.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**Tại phiên tòa ông Hồ Thanh T1 trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị C1 có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Ông và bà C1 sống chung với nhau ở thành phố Bến Tre từ năm 2017, trước đó thì bà C1 ở xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam tỉnh Bến Tre nhưng cũng lên xuống thường xuyên. Bà C1 ở nhà giữ con nhỏ, kinh tế gia đình do ông lo. Hiện tại, ông và bà C1 đã ly thân với nhau. Bà Trần Thị Bé T với bà C1 có quan hệ chơi hụi, vay tiền như thế nào thì ông không biết, đến khi bà T đến nhà đòi nợ thì ông mới biết bà C1 có nợ tiền bà T. Nay ông cho rằng, số tiền 225.658.000 đồng là nợ riêng của bà C1 nên ông không đồng ý liên đới cùng bà C1 trả số tiền này cho bà Trần Thị Bé T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ bà C1 đến để tiến hành hòa giải nhưng bà C1 vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị C1 và ông Hồ Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 225.658.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị Bé T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C1 và ông Hồ Thanh T1 liên đới trả số tiền đã vay và hiện tại C1 và ông T1 đang cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị C1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để

tham gia phiên tòa nhưng bà C1 vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà C1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xét nội dung yêu cầu khởi kiện: bà Trần Thị Bé T yêu cầu bà Nguyễn Thị C1 và chồng bà C1 là ông Hồ Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C1 số tiền 225.658.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là giấy nhận nợ ngày 18/10/2018.

Đối với giấy nhận nợ ngày 18/10/2018 có thể hiện nội dung “...hôm nay ngày 12-02-2017 AL C1 nợ Bé T 366.658.000đ (ba trăm sáu sáu triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn). Năm 2017 AL trả 101.000.000đ. Năm 2018 AL trả 40.000.000đ (trả 2 lần 141.000.000đ (một trăm bốn mươi một triệu). Ngày 18-10-2018 AL C1 còn nợ lại 225.658.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn). Ngày 18-10-2018 AL. Bé T và C1 chốt nợ, C1 thiếu Bé T tổng cộng là 225.658.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn...”. Ở cuối trang của giấy nhận nợ có ghi ngày 18-10-2018 AL, bên chủ nợ là bà Trần Thị Bé T, bên thiếu nợ là bà Nguyễn Thị C1 đều có ký tên và ghi rõ họ tên. Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn về số nợ gốc mà bị đơn còn thiếu là 225.658.000 đồng là phù hợp với số tiền ghi trong giấy nhận nợ.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho bà C1 để tham gia phiên hòa giải nhưng bà C1 cố tình vắng mặt và không có lời trình bày hay ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, điều đó thấy rằng bà C1 đã mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đối với yêu cầu buộc Hồ Thanh T1 chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với bà C1: xét thấy, ông Hồ Thanh T1 là chồng của bà Nguyễn Thị C1. Ông T1 cho rằng ông và bà C1 đã ly thân, kinh tế gia đình là do ông tự lo, bà C1 chỉ ở nhà chăm sóc con, ông không biết về việc vay tiền của bà C1. Tuy nhiên, khoảng nợ đối với bà T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T1 và bà C1, ông T1 cho rằng không biết việc làm ăn của bà C1 là không có cơ sở. Do đó, theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Hồ Thanh T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị C1 trả số nợ nêu trên cho bà Trần Thị Bé T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trần Thị Bé T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C1 và ông Hồ Thanh T1 liên đới trả số tiền đã vay gốc 225.658.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé T được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị C1 và ông Hồ Thanh T1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $225.658.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.282.900 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468; 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bé T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C1, ông Hồ Thanh T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc bà bà Nguyễn Thị C1, ông Hồ Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Bé T số tiền nợ gốc là 225.658.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị C1, ông Hồ Thanh T1 phải liên đới nộp là 11.282.900 (mười một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Trần Thị Bé T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.642.000 (năm triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000053 ngày 26/4/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Trần Thị Bé T và ông Hồ Thanh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bà Nguyễn Thị C1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Triều